

CÁC BỘ

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2005/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2005

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện một số điều về chính sách lao động của
Nghị định số 80/2005/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2005 của
Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh,
cho thuê công ty nhà nước**

Thi hành Nghị định số 80/2005/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước; Sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan và ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng của Thông tư này bao gồm các công ty nhà nước thực hiện sắp xếp lại theo hình thức giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê (sau đây gọi chung là công ty nhà nước thực hiện sắp xếp lại) quy định tại Điều 2 của Nghị

định số 80/2005/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2005/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này là những người lao động hiện có tại thời điểm sắp xếp lại công ty nhà nước theo quy định tại Nghị định số 80/2005/NĐ-CP, bao gồm lao động đang làm việc theo các loại hợp đồng lao động, kể cả lao động được tuyển dụng vào làm việc tại khu vực nhà nước từ trước ngày 30 tháng 8 năm 1990 mà đến thời điểm sắp xếp lại công ty nhà nước chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động (kể cả người lao động đang nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội: ốm đau, thai sản, tai nạn lao

động, bệnh nghề nghiệp; đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, tạm nghỉ việc theo quyết định của giám đốc công ty nhà nước).

3. Thời điểm sắp xếp lại công ty nhà nước là thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 54 của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP.

II. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM SẮP XẾP LẠI CÔNG TY NHÀ NƯỚC

1. Xây dựng phương án sử dụng lao động tại thời điểm sắp xếp lại công ty nhà nước theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 12, khoản 5 Điều 16, khoản 4 Điều 18, khoản 5 Điều 19, khoản 5 Điều 32, khoản 5 Điều 37, khoản 4 Điều 38, khoản 1 Điều 41 của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP:

a) Lập danh sách lao động hiện có theo Mẫu số 1 kèm theo Thông tư này;

b) Lập danh sách lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định của Điều lệ bảo hiểm xã hội (nếu có);

c) Lập danh sách lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động (nếu có);

d) Lập danh sách lao động đang nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội về ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp (nếu có);

đ) Lập danh sách lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động (nếu có);

e) Lập danh sách lao động thuộc diện không có nhu cầu tiếp tục sử dụng;

g) Lập danh sách lao động thuộc diện có nhu cầu tiếp tục sử dụng;

h) Lập biểu tổng hợp phương án sử dụng lao động hiện có theo Mẫu số 2 kèm theo Thông tư này.

Công ty nhà nước chịu trách nhiệm lập các danh sách lao động quy định tại điểm a, b, c, d, đ và cung cấp kết quả cho bên đăng ký tham gia nhận giao, nhận mua (trừ trường hợp mua theo phương thức đấu giá), nhận khoán kinh doanh, nhận thuê công ty nhà nước theo quy định. Căn cứ vào các thông tin cần thiết do công ty nhà nước cung cấp và dự kiến nhu cầu sử dụng lao động, bên đăng ký tham gia nhận giao, nhận mua (trừ trường hợp mua theo phương thức đấu giá), nhận khoán kinh doanh, nhận thuê công ty nhà nước sẽ tiến hành lập các danh sách lao động theo quy định tại điểm e và điểm g, lập biểu tổng hợp phương án sử dụng lao động theo quy định tại điểm h khoản 1 phần II của Thông tư này để đưa vào hồ sơ đăng ký nhận giao, nhận mua, nhận khoán, nhận thuê công ty nhà nước.

2. Giải quyết chính sách đối với người lao động tại thời điểm sắp xếp lại công ty nhà nước:

Căn cứ vào phương án sử dụng lao động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Giám đốc công ty nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để giải quyết chế độ cho người lao động theo các quy định như sau:

a) Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của công ty nhà nước tại thời điểm sắp xếp lại theo hình thức giao, bán, cho thuê quy định tại Nghị định số 80/2005/NĐ-CP sẽ được chia số dư bằng tiền (nếu có) của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo thời gian đã làm việc thực tế tại công ty nhà nước đó tính đến thời điểm sắp xếp lại theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 5 Điều 20, điểm d khoản 2 Điều 40, điểm e khoản 1 Điều 49 của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP trước khi ký hợp đồng giao, bán, cho thuê công ty nhà nước. Thời gian làm việc thực tế được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động tính đến thời điểm sắp xếp lại công ty nhà nước.

b) Người lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo Điều lệ Bảo hiểm xã hội có tên trong danh sách quy định tại điểm b khoản 1 phần II của Thông tư này được Giám đốc công ty nhà nước và cơ quan bảo hiểm xã hội nơi công ty nhà nước đóng bảo hiểm xã hội (sau đây gọi tắt là

cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương) thực hiện các thủ tục cần thiết giải quyết các quyền lợi về bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều lệ Bảo hiểm xã hội.

c) Người lao động có tên trong danh sách quy định tại điểm c khoản 1 phần II của Thông tư này chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động tại thời điểm sắp xếp lại công ty nhà nước, được Giám đốc công ty nhà nước giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc và làm các thủ tục cần thiết để cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết quyền lợi về bảo hiểm xã hội theo quy định.

d) Người lao động thuộc diện không có nhu cầu tiếp tục sử dụng theo quy định tại điểm e khoản 1 phần II của Thông tư này được Giám đốc công ty nhà nước có trách nhiệm giải quyết chế độ cho người lao động theo quy định hiện hành của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 155/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước và các Thông tư hướng dẫn thực hiện. Khi Nghị định số 41/2002/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành, chế độ cho người lao động được thực hiện theo các quy định của Bộ luật Lao động và chính sách có liên quan.

đ) Người lao động thuộc diện có nhu

cầu tiếp tục sử dụng theo quy định tại điểm g khoản 1 phần II của Thông tư này được Giám đốc công ty nhà nước rà soát thống nhất danh sách và hồ sơ cá nhân của người lao động thuộc diện có nhu cầu tiếp tục sử dụng để đưa vào nội dung hồ sơ biên bản bàn giao cho bên nhận bàn giao. Bên nhận bàn giao có trách nhiệm tiếp nhận toàn bộ số đối tượng lao động đó và tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động mà công ty nhà nước bàn giao đã ký kết với người lao động cho đến khi sửa đổi, bổ sung hoặc ký kết hợp đồng lao động mới theo quy định tại Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động.

III. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TIẾP TỤC LÀM VIỆC TẠI DOANH NGHIỆP SAU KHI CÔNG TY NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN SẮP XẾP LẠI

1. Đối với người lao động thuộc tập thể người lao động nhận giao công ty nhà nước:

a) Người lao động tham gia nhận giao công ty có tên trong danh sách lương, có đóng bảo hiểm xã hội tại công ty đến thời điểm giao công ty được hưởng quyền sở hữu đối với doanh nghiệp theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP. Số năm đã làm việc cho

khu vực nhà nước (không tính tháng lẻ) tính đến thời điểm sắp xếp lại công ty nhà nước bao gồm:

- Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp nhà nước, kể cả công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước;

- Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp nhà nước, ngân sách nhà nước, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp);

- Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

b) Người lao động được xem xét bố trí đào tạo, đào tạo lại để tiếp tục làm việc cho doanh nghiệp từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP. Việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, đào tạo lại cho người lao động từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Người lao động được bảo đảm việc làm tối thiểu là 3 năm, trừ những người tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động, theo quy định tại khoản 5 Điều 14 của

Nghị định số 80/2005/NĐ-CP. Sau thời hạn cam kết trong phương án sử dụng lao động đã được phê duyệt, chế độ trợ cấp thôi việc, mất việc giải quyết cho người lao động được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các chính sách có liên quan.

2. Đối với người lao động tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp sau khi sắp xếp lại theo hình thức bán công ty nhà nước hoặc bộ phận của công ty nhà nước, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước:

Bên nhận mua, nhận khoán kinh doanh, nhận thuê công ty nhà nước có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động mà công ty nhà nước đã ký kết với người lao động thuộc diện có nhu cầu tiếp tục sử dụng theo phương án sử dụng lao động đã được phê duyệt cho đến khi sửa đổi, bổ sung hoặc ký kết hợp đồng lao động mới theo quy định tại Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động. Khi thôi việc hoặc bị mất việc làm, người lao động được giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc hoặc mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động, các chính sách hiện hành có liên quan và các cam kết có liên quan trong hợp đồng bán, khoán kinh doanh, thuê công ty nhà nước đã ký kết.

Riêng đối với doanh nghiệp mới hình thành do thực hiện bán công ty nhà nước

hoặc bộ phận công ty nhà nước, khi giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc hoặc mất việc cho người lao động trong khoảng thời gian 5 năm đầu kể từ thời điểm doanh nghiệp mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán 50% tổng mức trợ cấp theo quy định của Bộ luật Lao động, số còn lại được thanh toán từ tiền thu của Nhà nước do bán công ty nhà nước hoặc bộ phận công ty nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 22 của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP. Việc thanh toán trợ cấp được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Hết thời hạn này, doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán toàn bộ mức trợ cấp cho người lao động.

Sau khi kết thúc hợp đồng thuê, nếu công ty cho thuê tiếp tục hoạt động thì phải có nghĩa vụ tiếp nhận trở lại số lao động cũ (là số lao động trong danh sách nêu tại điểm g khoản 1 mục II của Thông tư này) theo quy định tại khoản 3 Điều 48 của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP. Lao động do công ty nhận thuê tuyển mới theo quy định của Bộ luật Lao động trong thời gian thực hiện hợp đồng thuê công ty được công ty cho thuê tiếp tục sử dụng nếu có nhu cầu hoặc giải quyết chế độ theo quy định hiện hành. Trong trường hợp công ty cho thuê chấm dứt hoạt động do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc phá sản thì việc giải quyết chế độ cho người lao động được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các chính sách có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc công ty nhà nước cùng Ban Đổi mới doanh nghiệp tại công ty có trách nhiệm:

a) Rà soát, phân loại, lập danh sách các đối tượng lao động theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 phần II của Thông tư này. Riêng trong trường hợp tổ chức bán công ty, bộ phận của công ty nhà nước theo phương thức đấu giá quy định tại Điều 17 của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP, toàn bộ các danh sách lao động và biểu tổng hợp phương án sử dụng lao động quy định tại khoản 1 phần II của Thông tư này đều do công ty nhà nước lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi thông báo đăng ký bán đấu giá;

b) Cung cấp thông tin cần thiết về lao động của công ty nhà nước cho bên đăng ký tham gia nhận giao, nhận mua, nhận khoán kinh doanh, nhận thuê công ty nhà nước theo quy định của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP;

c) Thực hiện các thủ tục hồ sơ giải quyết dứt điểm các chế độ đối với người lao động theo phương án sử dụng lao động tại thời điểm sắp xếp lại công ty nhà nước đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành trước khi tiến hành bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ có liên quan cho bên tiếp nhận theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước;

d) Báo cáo về kế hoạch và kết quả thực hiện phương án sử dụng lao động cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Bảo hiểm xã hội địa phương, đồng gửi cho Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có trụ sở chính của công ty nhà nước và Công đoàn ngành Trung ương.

2. Bên đăng ký tham gia nhận giao, nhận mua (trừ trường hợp đăng ký mua theo phương thức đấu giá), nhận khoán kinh doanh, nhận thuê công ty nhà nước theo Nghị định số 80/2005/NĐ-CP có trách nhiệm:

a) Thu thập, phân tích tình hình lao động của công ty nhà nước;

b) Xây dựng phương án sử dụng lao động trong hồ sơ đăng ký tham gia sắp xếp lại công ty nhà nước theo hướng dẫn tại khoản 1 phần II của Thông tư này. Trong trường hợp đăng ký theo phương thức thỏa thuận trực tiếp thì phương án sử dụng lao động cũng được thỏa thuận thống nhất trực tiếp giữa các bên có liên quan;

c) Trong trường hợp hồ sơ đăng ký tham gia sắp xếp lại công ty nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn thì bên được nhận giao, nhận mua, nhận khoán kinh doanh, nhận thuê công ty nhà nước có trách nhiệm thực hiện cam kết tiếp nhận, bố trí việc làm cho số lao động chuyển sang theo phương án sử dụng lao động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo công ty nhà nước và Ban Đổi mới doanh nghiệp tại công ty thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời các chính sách đối với người lao động trong quá trình tổ chức giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước theo quy định tại Điều 55, Điều 56 và Điều 57 của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, các cơ quan có liên quan và Liên đoàn Lao

động tỉnh, thành phố hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện những quy định của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan đối với người lao động, tổng hợp tình hình báo cáo cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hằng

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
TÊN CÔNG TY NHÀ NƯỚC

DANH SÁCH LAO ĐỘNG HIỆN CÓ CỦA CÔNG TY NHÀ NƯỚC
tại thời điểm sắp xếp lại ngày... tháng... năm...

Số thứ tự	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức danh, công việc đang làm	Trình độ chuyên môn, nghề nghiệp vụ, tay nghề	Loại hợp đồng lao động đang thực hiện	Ngày tháng năm được tuyển dụng vào khu vực nhà nước	Ngày tháng năm tạm nghỉ việc	Hệ số lương đang hưởng	Ghi chú
		Nam	Nữ							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập biểu

..., ngày... tháng... năm...

Giám đốc Công ty nhà nước

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 6: ghi ký hiệu KXD (hợp đồng lao động không xác định thời hạn), 12 - 36 (hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 - 36 tháng), D12 (hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng);
- Cột 7: ghi ngày tuyển dụng đầu tiên vào khu vực nhà nước;
- Cột 8: ghi ngày tháng năm bắt đầu tạm nghỉ việc theo quyết định của giám đốc Công ty nhà nước theo quy định tại khoản 2 phần I của Thông tư này.

Mẫu số 2: (Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2005/TT-BLĐTBXH
ngày 19 tháng 10 năm 2005)

**BIỂU TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
CỦA CÔNG TY NHÀ NƯỚC...**
tại thời điểm sắp xếp lại ngày... tháng... năm...

Đơn vị tính: người

Số thứ tự	Nội dung phương án sử dụng lao động	Tổng số		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Nữ	
0	1	2	3	4
I	SỐ LAO ĐỘNG HIỆN CÓ TẠI THỜI ĐIỂM SẮP XẾP LẠI (bao gồm cả số lao động đang nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động)			
1	Số lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn			
2	Số lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng			
3	Số lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng			
II	SỐ LAO ĐỘNG THUỘC DIỆN KHÔNG TIẾP TỤC LÀM VIỆC			
1	Số lao động thuộc diện nghỉ hưu theo Điều lệ bảo hiểm xã hội hiện hành			
2	Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động			
3	Số lao động thuộc diện không bố trí được việc làm			
III	SỐ LAO ĐỘNG THUỘC DIỆN TIẾP TỤC LÀM VIỆC			
1	Số lao động đang làm việc tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động			

0	1	2	3	4
2	Số lao động đang tạm nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội			
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động			

Người lập biểu

..., ngày... tháng... năm...
Đại diện bên đăng ký tham gia
sắp xếp lại công ty nhà nước (*)
(Ký tên, đóng dấu)

(*) “Giám đốc Công ty nhà nước” trong trường hợp tổ chức bán công ty, bộ phận công ty nhà nước theo phương thức đấu giá.